



Tạp chí

ISSN 1859-4654

CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG & Kinh tế

Số 4 (180)
2021

TIẾNG NÓI CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG VÀ QUÂN ĐỘI VÀ DUNG KINH TẾ



53

ZIL3 VƯỢT KHÓ
bằng cách nào?



78

Đại tướng Võ Nguyên Giáp
VỚI NGÀNH QUÂN GIỚI



TRONG SỐ NÀY



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

Chủ tịch

Trung tướng NGUYỄN MẠNH HÙNG

Ủy viên

Thiếu tướng, TS. HỒ QUANG TUẤN

Thiếu tướng NGUYỄN VIỆT HÙNG

Thiếu tướng, TS. TRẦN ĐÌNH THĂNG

Thiếu tướng NGUYỄN ĐẮC HẢI

Thiếu tướng, TS. ĐÀO XUÂN NGHIỆP

Thiếu tướng LƯƠNG THANH CHUÔNG

Thiếu tướng LÂM TRỌNG ĐÔNG

Đại tá, TS. DƯƠNG VĂN YÊN

Tổng biên tập

Đại tá LÊ THIẾT HÙNG

Phó Tổng biên tập

Thư ký tòa soạn

Trung tá, ThS. NGUYỄN THANH TÙNG

Trình bày

NGUYỄN VĂN ĐỨC

Địa chỉ tòa soạn

28A ĐIỆN BIÊN PHỦ - HÀ NỘI

ĐT: 069.694652 - 069.552843

024.38231266 (máy lẻ: 263)

Fax: 024. 38457195 - 069. 553476

Website: tapchi.vdi.org.vn

E-mail: tapchicnqp@gmail.com

tapchicnqp@vdi.org.vn

Giấy phép xuất bản

số 224/GP-BTTTT, ngày 25/2/2011

của Bộ Thông tin - Truyền thông.

In tại Công ty TNHH MTV in Quân đội 1

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

3. Ra sức học tập, nỗ lực phấn đấu và rèn luyện, không ngừng làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tổng Bí thư NGUYỄN PHÚ TRỌNG

ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

8. Quán triệt và thực hiện quan điểm mới của Đảng về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng.

Thượng tướng, TS. LÊ HUY VINH

11. Tăng cường tiềm lực và thế trận quốc phòng theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng.

Đại tá, ThS. LÊ HÙNG SƠN

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

14. Nhận thức về vũ khí công nghệ cao trong thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

TS. ĐOÍ VĂN TẶNG - ThS. VŨ THỊ PHƯƠNG DUNG

17. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng ở vùng Tây Nam Bộ.

Đại tá NGUYỄN ĐÌNH HOÀN - Thượng tá VŨ QUANG HAY

20. Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp quốc phòng.

Đại tá LÊ VĂN HƯỜNG

23. Xu hướng phát triển vũ khí trang bị trên thế giới và định hướng phát triển Công nghiệp quốc phòng Việt Nam.

Thượng tá, TS. PHÙNG MẠNH CƯỜNG

GẶP GỠ - ĐỐI THOẠI

26. Thiếu tướng Nguyễn Hữu Chí, Phó Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân: Công nghiệp quốc phòng tạo bước đột phá trong quản lý, bảo vệ vùng trời quốc gia.

HOÀNG HÀ

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

30. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19.

Thiếu tướng NGUYỄN ĐẮC HẢI

34. Công tác thi đua, khen thưởng nửa đầu năm 2021: Triển khai toàn diện, thiết thực, hiệu quả.

Đại tá LÊ NGỌC THÂN

37. Nâng cao hiệu quả công tác đo lường, kiểm định chất lượng vật tư phục vụ sản xuất quốc phòng.

Đại tá, TS. BÙI NGỌC HÙNG

40. Kinh nghiệm trong xây dựng đội ngũ cán bộ ở Bộ Tham mưu, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

Thiếu tá NGÒ KHẮC QUYẾT

43. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp quốc phòng.

Đại tá, TS. PHẠM TUẤN HẢI

46. Phấn đấu xây dựng Nhà máy Z114 trở thành đơn vị nòng cốt của cụm Công nghiệp quốc phòng phía Nam.

Đại tá, ThS. NGUYỄN QUỐC KHÁNH

49. Công ty Trực thăng miền Bắc: Khẳng định uy tín, thương hiệu trong cung cấp dịch vụ trực thăng.

Thượng tá PHẠM VĂN DŨNG

KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG ở vùng Tây Nam Bộ

Đại tá NGUYỄN ĐÌNH HOÀN
Thượng tá VŨ QUANG HAY

NHỮNG NĂM QUA, ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐÃ CÓ NHIỀU CHỦ TRƯỞNG, NGHỊ QUYẾT LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VỀ KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GẮN VỚI TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở VÙNG TÂY NAM BỘ. DO VẬY, TIỀM NĂNG, LỢI THẾ CỦA VÙNG ĐÃ ĐƯỢC KHAI THÁC HỢP LÝ VÀ HIỆU QUẢ.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vùng Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long) có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, xã hội (KT-XH), quốc phòng, an ninh (QP-AN) và đối ngoại. Vùng gồm 13 tỉnh, thành phố với hơn 20 triệu dân; trong đó Cần Thơ là thành phố trực thuộc Trung ương. Vùng có đường biên giới trên bộ và vùng nước giáp với Campuchia; tiếp giáp vùng biển Thái Lan, Ma-lai-xi-a; đường ranh giới trên biển tiếp giáp với một số nước trong khu vực Đông Nam Á. Toàn vùng có 7 tỉnh có biển, 29 huyện và 105 xã, phường, thị trấn ven biển; 2 huyện đảo, 17 xã và thị trấn đảo, với tổng số khoảng 123.700 người dân sinh sống... Những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo về kết hợp phát triển KT-XH gắn với tăng cường củng cố QP-AN, khai thác hợp lý và hiệu quả các tiềm năng của vùng, như: Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/1/2003 của Bộ Chính trị về "Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010"; Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về "Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu"; Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 31/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Nhiệm vụ lập quy hoạch

vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050".

Quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các ban, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và lực lượng vũ trang (LLVT), doanh nghiệp quân đội (DNQĐ) trong vùng đã thực hiện nhiều chương trình, dự án đạt hiệu quả thiết thực, góp phần củng cố thể trận khu vực phòng thủ, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới, biển, đảo của Tổ quốc. Nhận thức của đội ngũ cán bộ chủ trì đã có nhiều chuyển biến tích cực; hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường QP-AN được ban hành thường kỳ. Nhiều địa phương trong vùng đã dành một phần ngân sách, bố trí diện tích đất tự nhiên để xây dựng các công trình quân sự, quốc phòng, xây dựng căn cứ hậu phương trong khu vực phòng thủ. Các cơ sở kinh tế, khu công nghiệp vùng ven biển, đảo được đầu tư phát triển; nhiều DNQĐ đã đóng các loại tàu thuyền mới cho LLVT sẵn sàng chiến đấu, tàu công suất lớn vượt khơi bám biển; tăng cường khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản vùng biển, đảo; dịch vụ sửa chữa tàu biển, dịch vụ cảng biển, hậu cần nghề cá, du lịch từng bước phát triển; mạng lưới đường giao thông, các tuyến đê ngăn lũ, hạn mặn được xây dựng... Tiêu biểu là Nhà máy X55 (thuộc Quân chủng Hải quân), từ năm 2014 đến nay, đã sửa

chữa, hiện đại hóa hàng trăm lượt tàu quân sự; đóng mới hàng chục tàu quân sự cho Quân chủng Hải quân và LLVT, kiểm ngư; trong đó, có nhiều chủng loại tàu đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ cao, như: KN 1482C, KN750, tàu vận tải đổ bộ đa năng, tàu tuần tiểu kết hợp chở quân võ hợp kim nhôm ST-294... Bên cạnh đó, Nhà máy còn đóng mới 24 tàu kinh tế các loại (tàu vận tải sông, biển có trọng tải từ 300-5.000 tấn; tàu kéo có công suất đến 5.000HP); sửa chữa hàng trăm lượt tàu khác. Năm 2020, giá trị sản xuất của Nhà máy đạt hơn 341 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 13,5 triệu đồng/người/tháng. Đoàn KT-QP 959 và Đoàn KT-QP 915 đứng chân trong vùng luôn phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện hiệu quả kết hợp quốc phòng với kinh tế theo phương châm "Lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới, giúp dân xóa đói giảm nghèo, định canh, định cư"; tạo nguồn vốn và tham gia khuyến công, nông, lâm, ngư nghiệp; xây dựng đường tuần tra biên giới; xây dựng "thể trận lòng dân" vững mạnh, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng tiềm lực, lực lượng, thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh ở các địa bàn trọng yếu...

Trong chiến lược quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển KT-XH, các địa phương đã có sự phối hợp trong tổ

chức xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố ven biển, biên giới và thể trận phòng thủ chung của vùng. Cơ quan quân sự các cấp đã thường xuyên làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, đặc biệt là các địa phương có biển, đảo, biên giới; phối hợp chặt chẽ với LLVT trên địa bàn làm tốt công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và huy động lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất của địa phương tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới của Tổ quốc; sẵn sàng chi viện cho các lực lượng tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn... Cùng với đó, phối hợp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới; tổ chức tuần tra, kiểm soát bảo vệ vững chắc các đảo, căn cứ đóng quân, cơ sở kinh tế, địa bàn trọng yếu; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện, trang bị tham gia đấu tranh với các vấn đề an ninh phi truyền thống, các loại tội phạm trên biển, biên giới và các hoạt động gây ô nhiễm môi trường biển. Định kỳ tổ chức giao ban, sơ, tổng kết rút kinh nghiệm; kiện toàn tổ chức, biên chế, bố trí lực lượng phòng thủ biên giới, ven biển, trên đảo; xây dựng và phát triển lực lượng dân quân tự vệ thường trực biển, biên giới. Tuyên truyền, giáo dục người dân, doanh nghiệp thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động kinh tế trên biển, đảo, biên giới theo các thỏa thuận, hiệp định mà Chính phủ đã ký kết với các nước liên quan; tham gia đấu tranh ngăn chặn các hoạt động xâm nhập, thăm dò, khai thác, đánh bắt hải sản, phá hoại ngư trường, xuất nhập cảnh trái phép; phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả... Thực hiện tốt công tác trao đổi thông tin, phối hợp với nước bạn giải quyết các vụ việc liên quan đến QP-AN vùng biển, đảo. Có chính sách, quy hoạch phù hợp nhằm bố trí, sắp xếp ổn định dân cư các xã biên giới gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt Chương trình 134, 135, 167 của Chính phủ và các chương trình hỗ trợ phát triển KT-XH...

Có thể thấy, những kết quả đạt được trong việc kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường QP-AN thời gian qua đã tạo ra thế và lực mới của vùng địa bàn chiến

lược Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số khó khăn, như: Nhận thức và sự phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành, địa phương chưa hiệu quả, cơ sở dữ liệu chưa phù hợp, chưa chú trọng đến tinh đồng bộ trong phát triển toàn diện các lĩnh vực, nhất là công nghiệp, liên kết vùng; nhận thức của người dân về pháp luật trên biển, đảo, biên giới còn hạn chế, vẫn còn tình trạng vi phạm ngư trường nước ngoài,

việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất còn chậm, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm kinh tế còn thấp. Hệ thống kết cấu hạ tầng đầu tư hiệu quả chưa cao, thường xuyên chịu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch tổng thể các ngành, lĩnh vực chưa đồng bộ, thống nhất giữa các tỉnh, thành trong vùng; chưa thu hút tốt đầu tư nước ngoài...

Từ thực tiễn trên, để nâng cao chất lượng, hiệu quả việc kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường QP-AN của vùng Tây Nam Bộ, cần chú trọng thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành và LLVT trong vùng.

Triển khai sâu rộng công tác giáo dục quốc phòng; tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên, LLVT và nhân dân về quan điểm, chủ trương phát triển KT-XH gắn với tăng cường QP-AN của vùng. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp, nhất là các địa phương vùng biên giới, biển, đảo về phát triển KT-XH gắn với tăng cường QP-AN. Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng hoạt động kinh tế trong vùng với LLVT, các DNQĐ đứng chân trên địa bàn, sẵn sàng đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất

Vùng Tây Nam Bộ gồm 13 tỉnh, thành phố, với hơn 18 triệu dân, trong đó có 7 tỉnh có biển. Vùng có đường biên giới trên bộ và vùng nước giáp với Campuchia; tiếp giáp vùng biển Thái Lan, Ma-lai-xi-a...

buồn lậu, xuất nhập cảnh trái phép làm lây lan dịch bệnh. Mặt khác, kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng;

*Xây dựng các khu công nghiệp cần tình dấn thân thể trận quốc phòng, an ninh.
(Trong ảnh: Khu công nghiệp Long Giang, Tiền Giang). Ảnh: CTV*



toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trong mọi tình huống.

Hai là, xây dựng quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế vùng gắn với tăng cường QP-AN.

Thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 31/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, địa phương tổ chức rà soát, giám sát, thẩm định kỹ việc phân vùng, quy hoạch khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, hệ thống cảng biển, khu đô thị mới gắn với quy hoạch quốc phòng ở khu vực biên giới, biển, đảo. Việc quy hoạch cần tính đến sự kế thừa, phát triển, tính liên kết giữa các vùng, miền; kết hợp chặt chẽ kinh tế với QP-AN, tạo lập thể trận phòng thủ vững chắc trên các hướng trọng điểm và của cả vùng. Tăng cường tính liên kết ngành trong phát triển và quản lý kinh tế biển bằng hệ thống quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách vì lợi ích chung, lâu dài, bền vững. Đẩy nhanh quy hoạch xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, kết hợp với bố trí lại dân cư, phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa của từng dân tộc. Tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện giải quyết tốt vấn đề đất ở, đất sản xuất, phương thức xóa đói giảm nghèo, giúp đồng bào ổn định cuộc sống, yên tâm định canh, định cư lâu dài. Quy hoạch mạng lưới giao thông kết nối các trung tâm kinh tế lớn của cả nước và quốc tế; các khu kinh tế, khu công nghiệp vùng biển, đảo, biên giới theo hướng tiếp cận mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị, vùng biển với các cảng biển

gắn với quy hoạch QP-AN. Cùng với đó, cần quy hoạch lồng ghép dự án với các chương trình, mục tiêu của Nhà nước, địa phương, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng thể trận lòng dân.

Đẩy nhanh việc xây dựng các khu KT-QP ở khu vực ven biển và trên một số đảo vùng Tây Nam Bộ; ưu tiên xây dựng các trung tâm dịch vụ, phát triển các khu KT-QP mạnh có đủ khả năng kết hợp phát triển kinh tế với tạo lập thể trận phòng thủ trên tuyến biên giới, vùng ven biển, đảo.

Ba là, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phát triển nhiều cơ sở, doanh nghiệp và khu công nghiệp tập trung với trình độ kỹ thuật công nghệ cao; trong đó, bố trí lao động có trình độ đáp ứng nhiệm vụ phát triển KT-XH của vùng và nguồn nhân lực tại chỗ, sẵn sàng huy động cho nhiệm vụ QP-AN khi cần thiết. Đầu tư nguồn lực phù hợp cho các trung tâm nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện tâm cơ quốc gia, khu vực và quốc tế trong vùng. Mặt khác, từng bước ổn định, nâng cao chất lượng dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân; đổi mới cơ chế, chính sách hợp lý để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ và các địa phương trong nước, quốc tế...

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp, ưu tiên nguồn lực cho phát triển KT-XH gắn với tăng cường QP-AN.

Tăng cường huy động các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh

tế đầu tư cho phát triển bền vững kinh tế biển, đảo, biên giới. Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho phát triển kinh tế vùng biển, đảo, biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người; xã hội hóa nguồn lực đầu tư có sự quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương về kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, khu vực biên giới. Đẩy nhanh việc xây dựng các khu KT-QP ở khu vực ven biển và trên một số đảo; ưu tiên xây dựng các trung tâm dịch vụ, phát triển các khu KT-QP mạnh có đủ khả năng kết hợp phát triển kinh tế với tạo lập thể trận phòng thủ trên tuyến biên giới, vùng ven biển, đảo. Tập trung các nguồn lực để khai thác có hiệu quả tiềm năng của từng địa phương; có chính sách ưu tiên phát triển hạ tầng cơ sở KT-QP trên các địa bàn chiến lược, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trên các tuyến biên giới, các vùng biển, đảo làm ăn, sinh sống. Tăng cường đầu tư sân bay, bến cảng, hệ thống đường bộ, đường sắt kết nối liên kết vùng, cả nước, quốc tế theo hướng hiện đại.

Năm là, tích cực mở rộng hợp tác quốc tế.

Cần mở rộng hợp tác với các nước có nền khoa học - công nghệ phát triển để thu hút nguồn vốn, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ, tri thức và kinh nghiệm quản lý hiện đại của thế giới để phát triển kinh tế vùng, tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông để bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng chống hạn mặn, nước biển dâng. Việc mở rộng quan hệ hợp tác cần hướng tới tiếp cận công nghệ tiên tiến, lưỡng dụng trong các ngành công nghiệp cơ khí, đóng tàu... Qua đó, tận dụng tốt năng lực sản xuất sản phẩm quốc phòng và kinh tế xuất khẩu, dịch vụ xuất - nhập khẩu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm ra nước ngoài theo thể mạnh và cơ chế hợp lý nhằm tiếp cận, tăng cường nguồn lực và khoa học - công nghệ hiện đại, phát triển năng lực của các cơ sở sản xuất và dịch vụ lưỡng dụng cũng như các DNQĐ trong vùng.

